TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/HS-ST
Ngày: 07/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Huỳnh Nguyên Vỹ;

2. Ông Nguyễn Long Giang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Dũng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương:*** Ông Lê Đình Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2017/TLST–HS ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐXXST–HS ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2017/HSST–QĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Mai Trường G, sinh năm 1990 tại An Giang; nơi cư trú: ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: tài xế; con ông Mai Công T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1967; có vợ là Võ Thị Kim O, sinh năm 1993; có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/4/2016 đến ngày 14/9/2016 được trả tự do; có mặt.

2. Dương Văn T, sinh năm 1964 tại Hậu Giang; nơi cư trú: khu vực A, phường N, thị xã N1, tỉnh H; trình độ học vấn 10/12; nghề nghiệp: tài xế; con ông Dương Văn C, sinh năm 1924 và bà Trần Thị B, sinh năm 1928 (đã chết), có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn), bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 1983 nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 18/3/2016 đến ngày 14/9/2016 được trả tự do, có mặt.

– *Người bào chữa cho bị cáo Mai Trường G:* Ông Phương Ngọc D là Luật sư – Chi nhánh Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư thành phố C, có mặt.

- *Người bị hại:*

1. Ông Nguyễn Thái P, sinh năm 1971; trú tại: số 23/4, T, thị trấn C, huyện C1, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Ông Lâm Ngọc N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân P; trú tại: khóm A, Phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người đại diện hợp pháp của ông Lâm Ngọc N:* Ông Lâm Thanh A, sinh năm 1975; trú tại: ấp 2, thị trấn G, huyện G1, tỉnh Bạc Liêu là đại diện ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 7 năm 2016), có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; trú tại: số 21, C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q:* Ông Hồ Trung C và ông Phạm Trung C1; cùng trú tại: số 398, đường H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, là đại diện ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/9/2016), vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần Bảo hiểm Q – MIC; trú tại: tầng 15, tòa nhà M, số 229, đường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

3. Công ty Cổ phần B; trú tại: số 26, đường T, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

4. Bà Lê Kim T, sinh năm 1980; trú tại: số 23/4 T, ấp T1, thị trấn C, huyện C1, tỉnh An Giang.

- *Người đại diện hợp pháp của bà Lê Kim T:* Ông Nguyễn Thái P, sinh năm 1971; trú tại: số 23/4, T, thị trấn C, huyện C1, tỉnh An Giang là người đại diện ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/4/2016), vắng mặt.

5. Bà Võ Thị T, sinh 1971; trú tại: ấp H, xã L, huyện L1, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; trú tại: H, xã L, huyện L1, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

7. Ông Mai Công T, sinh năm 1971; trú tại: ấp L2, xã L3, huyện C1, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1996; trú tại: ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đ, vắng mặt.

2. Ông Đỗ Trường G, sinh năm 1986; trú tại: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

3. Ông Tạ Tuấn T, sinh năm 1985; trú tại: khóm 2, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, vắng mặt.

4. Ông Trần Văn T, sinh năm 1977; trú tại: ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Ông Đinh Văn L, sinh năm 1988; trú tại: ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1971; trú tại: ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

7. Ông Trần Văn T, sinh năm 1965; trú tại: khu phố 2, thị trấn C, huyện C1, tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Mai Trường G và Dương Văn T làm nghề lái xe ô tô thuê. Bị cáo G được cấp bằng lái xe hạng C ngày 10/10/2014, G lái xe cho ông Nguyễn Thái P. Bị cáo Dương Văn T được cấp bằng lái xe hạng E ngày 16/9/2013, T lái xe cho Doanh nghiệp tư nhân Phước Hưng An Toàn.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 29 tháng 4 năm 2015, T và tài xế L xuất phát từ Bến xe C đến Bến xe B. Tài xế L điều khiển xe ô tô khách biển số 69B–00135 khởi hành từ Bến xe C, tỉnh Cà Mau đi đến khu vực Đ, Bình Dương thì đổi tài Dương Văn T điều khiển xe khách đến B.

Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, G điều khiển xe ô tô tải biển số 67C–02114 chở hàng đi từ huyện T, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu đi huyện C, tỉnh Bình Phước. Cả hai đều điều khiển xe ô tô lưu thông trên đường Quốc lộ 13.

Đến 03 giờ 45 phút ngày 30 tháng 4 năm 2015, Dương Văn T điều khiển xe ô tô khách đến đoạn đường Quốc lộ X thuộc ấp B1, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (qua ngã ba Bia chiến thắng B khoảng 100m, nơi có biển báo cấm dừng, đỗ xe) thì dừng xe cho khách xuống đi vệ sinh.

Khoảng 05 phút sau khi T dừng xe, Mai Trường G điều khiển xe ôtô tải lưu thông phía sau cùng chiều trong tình trạng ngủ gật, không làm chủ được phương tiện nên đã đụng vào phía sau xe ôtô khách do T dừng phía trước cùng chiều. Tai nạn xảy ra làm ôtô khách hư hỏng phần đuôi xe và máy xe, xe ôtô tải bị hư hỏng phần đầu xe, hai hành khách trên xe ô tô khách bị thương nhẹ.

Hiện trường xảy ra tại nạn như sau:

Đoạn đường nơi xảy ra va chạm giao thông là đoạn đường thẳng, được chia thành hai chiều xe chạy bởi hai vạch vàng nét liền song song. Đường được rải nhựa bằng phẳng, tầm nhìn người điều khiển phương tiện không bị che khuất. Chiều xảy ra va chạm giao thông là chiều bên phải của đường Quốc lộ 13 (hướng từ thị xã B đi C) có ba làn xe: làn xe ô tô con rộng 3m80, làm xe ô tô tải

rộng 3m80, làn xe môtô rộng 3m40. Chiều bên phải lần lượt đặt các biển báo cấm dừng và đỗ xe, biển báo "trẻ em".

Lấy mép lề phải hướng từ B đến C làm chuẩn. Lấy trụ điện 235 nằm trong lề phải hướng B đến C làm mốc.

Vị trí (đánh số tự nhiên từ 01 đến 07) kích thước, dấu vết, phương tiện ở hiện trường như sau:

– Vị trí 01: xe ô tô tải biển số 67C–02114 dừng, đầu xe quay theo hướng C. Khoảng cách từ trục bánh trước bên phải đến mép đường bên phải là 2m30, khoảng cách từ trục bánh sau cùng bên phải đến mép đường là 2m60.

– Vị trí 02: xe ô tô khách biển số 69B–00135 dừng, đầu xe quay theo hướng C. Khoảng cách từ trục bánh trước bên phải đến mép đường bên phải là 1m70, khoảng cách từ trục bánh sau bên phải đến mép đường là 2m10 và cách trục bánh trước xe ô tô tải biển số 67C–02114 là 3m70.

– Vị trí 03: xe ô tô khách biển số 69B–00135 để lại vết chà ở phía bên trái dài 13m20. Đầu vết chà cách mép đường bên phải là 5m70; cuối vết chà nằm trùng với bánh sau bên trái xe ô tô khách biển số 69B–00135 đang dừng.

– Vị trí 04: xe ô tô khách biển số 69B–00135 để lại vết chà ở phía bên phải dài 2m50. Đầu vết chà cách mép đường bên phải là 2m20; cuối vết chà nằm trùng với bánh sau bên phải xe ô tô khách biển số 69B–00135 đang dừng.

– Vị trí 05: tại hiện trường có để lại những mảnh kính vỡ của hai xe ôtô, kích thước 14m70 x 13m70. Khoảng cách từ tâm những mảnh kính vỡ này đến mép đường bên phải là 12m00 và cách trục bánh sau cùng bên trái xe ôtô tải biển số 67C – 02114 là 8m30.

– Vị trí 06: trụ điện số 235 nằm bên dải đất bên phải đường Quốc lộ X. Khoảng cách từ trụ điện số 235 đến mép đường bên phải là 3m60, khoảng cách từ trụ điện số 235 đến trục bánh sau bên phải xe ôtô khách biển số 69B–00135 là 6m20.

– Vị trí 07: biển báo cấm dừng và đỗ xe. Khoảng cách từ vị trí biển báo cấm đỗ xe đến trụ điện số 235 là 36m10.

Bị cáo Mai Trường G, Dương Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Luật sư Phương Ngọc D bào chữa cho bị cáo Mai Trường G nhất trí với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Mai Trường G về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Mai Trường G, Dương Văn T đủ yếu tố cấu thành tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

Theo Kết luận về việc định giá tài sản ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định: thiệt hại của xe ôtô

khách biển số 69B–00135 là 263.102.000 đồng; thiệt hại của xe ôtô tải biển số 67C–02114 là 234.085.500 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo G, các bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị T và Võ Thị T là hành khách trên xe ôtô khách biển số 69B–00135, cả hai chỉ bị thương tích nhẹ, sau khi khám tại Trung tâm y tế thị xã B cả 2 người này đã ra về và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Người bị hại ông Nguyễn Thái P đã nhận 208.506.000 đồng từ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Q và 10.000.000 đồng từ ông Mai Công T (cha bị cáo Mai Trường G). Ông P không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Người đại diện hợp pháp của Doanh nghiệp tư nhân P là ông Lâm Thanh A không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại xảy ra đối với xe ô tô khách biển số 69B–00135.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q không có ý kiến gì về thiệt hại xảy ra đối với xe ô tô tải biển số 67C–02114 mà ông Nguyễn Thái P và bà Lê Kim T đã thế chấp cho Ngân hàng.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Q đã bồi thường cho ông Nguyễn Thái Psố tiền 208.506.000 đồng là trách nhiệm của Công ty bảo hiểm không yêu cầu các bị cáo bồi thường lại.

Công ty Cổ phần B không bồi thường cho xe ô tô khách biển số 69B–00135 vì bị cáo T dừng xe tại nơi có biển báo cấm dừng và đỗ xe.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo G, các bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về trách nhiệm dân sự.

Về vật chứng:

Xe ô tô khách biển số 69B–00135 do ông Lâm Ngọc N–Chủ Doanh nghiệp tư nhân P là chủ sở hữu. Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Công an huyện B đã xử lý trả lại xe cùng giấy tờ liên quan cho ông Lâm Ngọc N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân P.

Đối với xe ô tô tải biển số 67C–02114 do ông Nguyễn Thái P là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 07 tháng 10 năm 2015, Công an huyện B đã xử lý trả lại xe cùng giấy tờ liên quan cho ông P.

Cơ quan điều tra thu giữ vật chứng gồm: 01 giấy phép lái xe hạng C số 890122005520 cấp cho Mai Trường G; 01 giấy phép lái xe hạng A1, E số 940960000129 cấp cho Dương Văn T.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo G, các bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xử lý vật chứng.

Bản cáo trạng số 27/QĐ–KSĐT ngày 27 tháng 6 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Mai Trường, Dương Văn T về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 202, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Trường G với mức hình phạt từ 06 đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 202, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn T với mức hình phạt từ 06 đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại đã nhận tiền bồi thường thiệt hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử trả 01 giấy phép lái xe hạng C số 890122005520 cho Mai Trường G và trả 01 giấy phép lái xe hạng A1, E số 940960000129 cho Dương Văn T.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo G, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo G trình bày: về trách nhiệm dân sự, những người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Riêng bị cáo G đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; về trách nhiệm hình sự, các bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, người bị hại vắng mặt có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, người bị hại có mặt tại phiên tòa đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự, điểm e khoản 4 Tiểu mục 4.1 Mục 4 Phần 1 Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự 2015, Nghị Quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự, Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho cả hai bị cáo.

Bị cáo Mai Trường G nói lời sau cùng: xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo về với gia đình.

Bị cáo Dương Văn T nói lời sau cùng: xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo về với gia đình, bị cáo còn có cha già phải phụng dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo Giang, các bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Mai Trường G đã có hành vi điều khiển xe ô tô tải biển số 67C-02114 lưu thông trên đường Quốc lộ 13 đoạn đường thuộc ấp B1, xã L, huyện B (cách ngã ba bia Chiến thắng B khoảng 100m) hướng từ thị xã B đi huyện C trong tình trạng ngủ gật, không làm chủ được phương tiện đã đụng vào xe ô tô khách biển số 69B-00135 do bị cáo Dương Văn T dừng tại nơi cấm dừng và đỗ xe gây hư hỏng 2 xe ô tô. Hành vi của bị cáo G đã vi phạm khoản 23 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 11, điểm b khoản 3 Điều 18 của Luật giao thông đường bộ.

[3] Bị cáo Dương Văn T có hành vi dừng xe ô tô khách biển số 69B-00135 tại cả 02 làn đường dành cho xe ô tô tải và xe mô tô và tại nơi cấm dừng và đỗ xe không chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu giao thông đường bộ. Hành vi của bị cáo T đã vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 11 và điểm b khoản 3 Điều 18 của Luật giao thông đường bộ.

[4] Các bị cáo gây thiệt hại về tài sản là xe ô tô tải biển số 67C-02114 số tiền là 234.085.500 đồng; gây thiệt hại về tài sản là xe ô tô khách biển số 69B-00135 số tiền là 263.102.000 đồng.

[5] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[6] Theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự thì "1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khoẻ, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm".

[7] Tại điểm e tiểu mục 4.1 Mục 4 Phần 1 Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự thì "4. Về các tình tiết "gây thiệt hại nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng", "gây hậu quả đặc biệt

nghiêm trọng" quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự ... 4.1. Người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ nếu chỉ căn cứ vào thiệt hại xảy ra, thì gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khoẻ, tài sản của người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự:...e. Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng".

[8] Như vậy, hành vi điều khiển phương tiện giao thông đường bộ vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại nghiêm trọng cho tài sản của ông Nguyễn Thái P và ông Lâm Ngọc N của bị cáo G và bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[9] Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội. Luật sư bào chữa cho bị cáo G thừa nhận hành vi của bị cáo G đã phạm tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

[10] Xét, tình hình về an toàn giao thông trong thời gian gần đây diễn biến phức tạp do sự gia tăng nhanh của các phương tiện giao thông và ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông kém. Số vụ va chạm về giao thông nhất là giao thông đường bộ không ngừng tăng cả về quy mô và số lượng làm thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản của cá nhân, tổ chức, gây đau thương, mất mát cho nhiều gia đình. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[11] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[12] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, các bị cáo có gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo G tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho ông Nguyễn Thái P nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[13] Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo G về việc miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Hội đồng xét xử xét các bị cáo điều khiển phương tiện giao thông vận tải cơ giới là nguồn nguy hiểm cao độ, nhưng ý thức chấp hành pháp luật kém, bị cáo G điều khiển xe trong tình trạng ngủ gật, bị cáo T dừng đỗ xe không đúng quy định, gây thiệt hại về tài sản cho người bị hại rất lớn, việc xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[14] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo G, T tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Hội đồng xét xử xét các bị cáo Mai Trường G, Dương Văn T có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Hội đồng xét xử xét áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 01/2013/NQ – HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo, cho các bị cáo hưởng án treo là đã đủ răn đe, giáo dục các bị cáo.

[16] Về trách nhiệm dân sự:

[17] Bà Nguyễn Thị T và Võ Thị T không yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[18] Người bị hại ông Nguyễn Thái P đã nhận 208.506.000 đồng từ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Q và 10.000.000 đồng từ ông Mai Công T (cha bị cáo Mai Trường G) không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[19] Người đại diện hợp pháp của Doanh nghiệp tư nhân P là ông Lâm Thanh A không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại xảy ra đối với xe ô tô khách biển số 69B-00135 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[20] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q không có ý kiến gì về thiệt hại xảy ra đối với xe ô tô tải biển số 67C-021.14 mà ông Nguyễn Thái P và bà Lê Kim T đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[21] Công ty Cổ phần Bảo hiểm Q đã bồi thường cho ông Nguyễn Thái P số tiền 208.506.000 đồng là trách nhiệm của Công ty bảo hiểm không yêu cầu các bị cáo bồi thường lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[22] Công ty Cổ phần B không bồi thường cho xe ô tô khách biển số 69B-00135 vì bị cáo T dừng xe tại nơi có biển báo cấm dừng và đỗ xe. Doanh nghiệp tư nhân P không có yêu cầu gì đối với Công ty Cổ phần B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[23] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Công T không yêu cầu bị cáo G trả lại số tiền đã bồi thường cho người bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[24] Về vật chứng:

[25] Xe ô tô khách biển số 69B-00135 do Doanh nghiệp tư nhân P là chủ sở hữu. Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Công an huyện B đã xử lý trả lại xe cùng giấy tờ liên quan cho Doanh nghiệp tư nhân P là đúng quy định pháp luật.

[26] Xe ô tô tải biển số 67C-02114 do ông Nguyễn Thái P là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 07 tháng 10 năm 2015, Công an huyện B đã xử lý trả lại xe cùng giấy tờ liên quan cho ông P là đúng quy định pháp luật

[27] Đối với 01 giấy phép lái xe hạng C số 890122005520 cấp cho Mai Trường G, 01 giấy phép lái xe hạng A1, E số 940960000129 cấp cho Dương Văn T. Hội đồng xét xử xét không cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề lái xe đối với các bị cáo nên trả lại giấy phép lái xe trên cho các bị cáo.

[28] Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Mai Trường G, Dương Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Áp dụng khoản 1 Điều 202, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Mai Trường G 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo Mai Trường G cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 202, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Dương Văn T 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo Dương Văn T cho Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N1, tỉnh Hậu Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

- Về vật chứng: áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho Mai Trường G 01 giấy phép lái xe hạng C số 890122005520 tên Mai Trường G, trả lại cho Dương Văn T 01 giấy phép lái xe hạng A1, E số 940960000129 tên Dương Văn T (theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/01/2016 cho Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B).

- Về án phí:

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Các bị cáo Mai Trường G, Dương Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N1, tỉnh Hậu Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh Tuyết